TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/KDTM-ST
Ngày: 17/8/2023
V/v: Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Trung Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Phước Tâm**

Bà **Võ Thị Điệp**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa***: Bà **Cao Thị Kiều** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2023/TLST-KDTM, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*.

Theo Quyết định đưa vụa án ra xét xử số 301/2023/QĐXX-KDTM ngày 07/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 295/2023/QĐXXST-KDTM ngày 26/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **CÔNG TY TNHH B**;

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Hữu T - Chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Số 434, Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đ. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Thanh Tú, sinh năm 1988; Địa chỉ: khóm M, TT M1, huyện L, tỉnh Đ.

Bị đơn: **CÔNG TY TNHH CK XD T;**

Đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Thanh X – Chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Đường số 2, ấp 2, xã M, huyện L, tỉnh Đ.

(Ông Tú có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH B, lời trình bày:* Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) B có ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ khí xây dựng (TNHH CK XD) T về mua bán Tôn. Theo hợp đồng đã ký kết thì Công ty TNHH B cung cấp hàng là tôn cho

Công ty TNHH CK XD T kể từ ngày 07/8/2017 đến ngày 23/3/2019. Đến ngày 23/3/2019 hai bên đối chiếu công nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ số: 2303/ĐCCN-2019 thì Công ty TNHH CK XD T đã thanh toán số tiền là 1.337.967.660 và còn nợ Công ty TNHH B số tiền là 472.182.960 đồng. Sau đó, Công ty TNHH CK XD T tiếp tục mua hàng hóa (tôn) của Công ty TNHH B và nợ số tiền là 60.000.000 đồng. Đến tháng 10/2022, tổng số tiền mà Công ty TNHH CK XD T nợ là 532.182.960 đồng làm tròn là 532.183.000đ (Năm trăm ba mươi hai triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Tuy nhiên, đến nay Công ty TNHH CK XD T vẫn không thực hiện việc thanh toán theo cam kết. Mặc dù, Công ty TNHH B đã gia hạn cho Công ty TNHH CK XD T rất nhiều lần nhưng Công ty TNHH CK XD T vẫn cố tình chậm trễ không thanh toán. Nay ông Đoàn Hữu T đại diện Công ty TNHH B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L giải quyết: Buộc Công ty TNHH CK XD T phải thanh toán số tiền 532.183.000đ (Năm trăm ba mươi hai triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng) và lãi suất chậm trả theo lãi suất của ngân hàng cụ thể là 3%/tháng bắt đầu từ ngày 24/11/2019 cho Công ty TNHH B cho đến khi nào Công ty TNHH CK XD T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

Theo đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L giải quyết: Buộc Công ty TNHH CK XD T – đại diện theo pháp luật là bà Võ Thị Thanh X, chức vụ: Giám đốc phải thanh toán số tiền 532.183.000đ (Năm trăm ba mươi hai triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng) và lãi suất chậm trả theo lãi suất của ngân hàng cụ thể là 3%/tháng bắt đầu từ ngày 24/11/2019 cho Công ty TNHH B cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Lê Thanh Tú trình bày: Buộc Công ty TNHH CK XD T – đại diện theo pháp luật là bà Võ Thị Thanh X, chức vụ: Giám đốc phải thanh toán cho Công ty TNHH B số tiền là 532.183.000đ (Năm trăm ba mươi hai triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo lãi suất của ngân hàng cụ thể là 0,83%/tháng tính từ ngày khởi kiện là ngày 22/11/2022 đến nay là ngày 17/8/2023 tính tròn là 08 (tám) tháng, tiền lãi suất cụ thể: 532.183.000đ x 0,83 x 8 tháng = 35.337.000đ (Ba mươi lăm triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Như vậy tổng cộng tiền gốc và lãi là 567.520.000đ (Năm trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

- Đối với bị đơn Công ty TNHH CK XD T đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa xét xử.

- Kèm theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH B đã giao nộp cho Tòa án Biên bản đối chiếu công nợ số: 2303/ĐCCN-2019 có thể hiện số tiền cụ thể mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn, Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L đề nghị xét xử theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1]Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền là 532.183.000đ (Năm trăm ba mươi hai triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng) và lãi suất chậm trả theo lãi suất của ngân hàng cụ thể là 3%/tháng bắt đầu từ ngày 24/11/2019 cho Công ty TNHH B cho đến khi nào Công ty TNHH CK XD T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản"* theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sư.

- Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hơn nữa, bị đơn Công ty TNHH CK XD T có nơi cư trú tại đường số 2, ấp 2, xã M huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đ theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn Công ty TNHH CK XD T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đã vắng mặt không lý do chính đáng và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH B yêu cầu bị đơn Buộc Công ty TNHH CK XD T thanh toán số tiền 532.183.000đ (Năm trăm ba mươi hai triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng) và lãi suất chậm trả theo lãi suất của ngân hàng cụ thể là 0,83%/tháng bắt đầu từ ngày 22/11/2022 cho Công ty TNHH B cho đến khi giải quyết xong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa Công ty TNHH B và Công ty TNHH CK XD T có thỏa thuận mua bán với nhau, tính 07/8/2017 đến ngày 23/3/2019 hai bên đã đối chiếu công nợ theo Biên bản đối

chiếu công nợ số: 2303/ĐCCN-2019 thì Công ty TNHH CK XD T đã thanh toán số tiền là 1.337.967.660 và còn nợ Công ty TNHH B số tiền là 472.182.960 đồng. Sau đó Công ty TNHH CK XD T tiếp tục mua hàng hóa (tôn) của Công ty TNHH B và nợ số tiền là 60.000.000 đồng. Đến tháng 10/2022, tổng số tiền mà Công ty TNHH CK XD T nợ là 532.183.000đ (Năm trăm ba mươi hai triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng). Biên bản đối chiếu công nợ số: 2303/ĐCCN-2019 do Công ty TNHH B nộp cho Tòa án thể hiện đúng như lời trình bày của Công ty TNHH B.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho Công ty TNHH CK XD T. Tuy nhiên, Công ty TNHH CK XD T vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Mặc khác, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng mua bán tài sản giữa hai bên đương sự là có thật nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn thiếu là 532.183.000đ (Năm trăm ba mươi hai triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu về lãi suất, Công ty TNHH B yêu cầu Công ty TNHH CK XD T phải thanh toán cho Công ty TNHH B số tiền là 532.183.000đ (Năm trăm ba mươi hai triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo lãi suất của ngân hàng cụ thể là 0,83%/tháng tính từ ngày khởi kiện là ngày 22/11/2022 đến nay là ngày 17/8/2023 tính tròn là 08 (tám) tháng, tiền lãi suất cụ thể: 532.183.000đ x 0,83 x 8 tháng = 35.337.000đ (Ba mươi lăm triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Như vậy, tổng cộng tiền gốc và lãi là 567.520.000đ (Năm trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, trong quá trình giao dịch mua bán hai bên không thỏa thuận về mức lãi suất chậm trả và bị đơn cũng không có ý kiến về mức lãi suất này. Hơn nữa, tại phiên tòa ông Lê Thanh Tú là đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH B thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện điều chỉnh mức lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng tính từ ngày khởi kiện là ngày 22/11/2022 đến nay là ngày 17/8/2023 tính tròn là 08 (tám) tháng, tiền lãi suất cụ thể: 532.183.000đ x 0,83 x 8 tháng = 35.337.000đ (Ba mươi lăm triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu mức lãi suất là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Công ty TNHH B được chấp nhận nên Công ty TNHH CK XD T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 440, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

**** Tuyên xử***:

- Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH B.

- Buộc Công ty TNHH CK XD T – đại diện theo pháp luật là bà Võ Thị Thanh X có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH B số tiền còn nợ là 532.183.000đ (Năm trăm ba mươi hai triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng) và mức lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật là 35.337.000đ (Ba mươi lăm triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Như vậy tổng cộng tiền gốc và lãi là 567.520.000đ (Năm trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 26.701.000đ (Hai mươi sáu triệu bảy trăm linh một nghìn đồng) Công ty TNHH CK XD T – đại diện theo pháp luật là bà Võ Thị Thanh X phải chịu.

+ Công ty TNHH B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH B - Đại diện theo pháp luật là ông Đoàn Hữu T - Chức vụ: Giám đốc số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.643.000đ (Mười hai triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014979 ngày 29/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND HCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Trung Dũng